

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST

Ngày: 11-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Đinh Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách Nhiệm hữu hạn một thành viên.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9, phường 12, Quận 4, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T. (Theo văn bản ủy quyền số: 1279 /UQTA-VH.19 ngày 26/4/2019).

- Bị đơn: Chị Trương Thị Kiều N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Ông Đ có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ đại diện cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên trình bày:

Ngày 12/8/2016, chị N có ký hợp đồng tín dụng số 20160812-500000-6688 với Công ty vay số tiền 43.788.469 đồng với lãi suất cho vay là 2,92%/tháng. Theo thỏa thuận chị N có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 71.305.000 đồng bao gồm gốc và lãi trả chậm trong hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.981.000 đồng, còn tháng cuối cùng trả 1.970.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, chị N trả được 13 lần với số tiền 36.858.000 đồng. Từ ngày 23/01/2019 đến nay, chị N không trả thêm bất kỳ khoản nào nữa. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền gốc 24.532.238 đồng, tiền lãi 9.914.762 đồng, tổng cộng 34.447.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị N trình bày: Chị thừa nhận có vay của Công ty số tiền 43.788.469 đồng với lãi suất cho vay là 2,92%/tháng. Thỏa thuận chị có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 71.305.000 đồng bao gồm gốc và lãi trả chậm trong hạn 36 tháng, trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.981.000 đồng, còn tháng cuối cùng trả 1.970.000 đồng. Sau đó, chị trả được 13 lần với số tiền 36.858.000 đồng. Hiện còn nợ số tiền gốc và lãi như đại diện Công ty trình bày. Nay chị đồng ý trả cho Công ty số tiền gốc 24.532.238 đồng, yêu cầu miễn lãi suất và xin trả số tiền gốc vào ngày 20/12/2019.

Đại diện Công ty không đồng ý theo yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Công ty Tài chính Trách Nhiệm hữu hạn một thành viên (VPB FC) thấy rằng: Ngày 12/8/2016, chị N có ký hợp đồng tín dụng số 20160812-500000-6688 với Công ty vay số tiền 43.788.469 đồng với lãi suất cho vay là 2,92%/tháng. Theo thỏa thuận chị N có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 71.305.000 đồng bao gồm gốc và lãi trả chậm trong hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.981.000 đồng, còn tháng cuối cùng trả 1.970.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, chị N trả được 13 lần với số tiền 36.858.000 đồng. Từ ngày 23/01/2019 đến nay, chị N không trả thêm bất kỳ khoản nào nữa là vi phạm hợp đồng. Nay Công ty

yêu cầu chị N trả số tiền gốc 24.532.238 đồng, tiền lãi 9.914.762 đồng, tổng cộng 34.447.000 đồng và chị N cũng thừa nhận nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

[4] Xét chị N yêu cầu xin miễn lãi suất và xin trả gốc vào ngày 20/12/2019 là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho Công ty và không được Công ty đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách Nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Buộc chị Trương Thị Kiều N có nghĩa vụ trả ngay cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số tiền gốc 24.532.238 đồng, tiền lãi 9.914.762 đồng, tổng cộng 34.447.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Kiều N phải chịu 1.722.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên. 861.000 đồng (Tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16763 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị

N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức